TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 -2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Đát, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Kiển – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18 và 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 43A, ấp 3, xã Tắc V, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh Thuận – Văn phòng Luật sư Lê Thanh Thuận, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 109, ấp 2, xã Tắc V, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của ông C về phần tài sản và nợ chung: Bà Trương Thủy T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 2, xã Tắc V, thành phố C, tỉnh C. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Du Thị Bột – Văn phòng luật sư Mũi Cà Mau, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Khắc Ph. Địa chỉ: Ấp 2. Xã Tắc V, thành phố C, tỉnh C. (Vắng mặt)

2. Ngân hàng N. Địa chỉ chi nhánh tại Cà Mau: Số 2-4, đường Trưng Nhị, Phường 2, thành phố C, tỉnh C. (Vắng mặt)

3. Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1980 và bà Cao Cát Th, sinh năm 1981 Cùng địa chỉ: Số 143B, Nguyễn Tất Thành, khóm T, phường T, thành phố C. Ông Cao Văn Đ là người đại diện hợp pháp của bà Th (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2023) (Có mặt).

4. Ông Đoàn Quang S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Tân, huyện T, tỉnh B. (Vắng mặt)

5. Bà Phan Thùy Tr, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp 2, xã Tắc V, thành phố C, tỉnh C. (Vắng mặt)

6. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp Bình Th, xã Đ, thành phố C, tỉnh C. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Th trình bày*:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 17/12/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Khi chung sống với nhau, tôi về làm dâu bên chồng khoảng 6 tháng, sau đó vợ chồng thuê mặt bằng trong chợ Tắc Vân mua bán và sinh sống. Đến năm 2001, vợ chồng xây dựng căn nhà số 109, ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau và về đây sinh sống (căn nhà ngang 5m x 10,5m, 01 trệt và 02 lầu). Năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mỗi người làm ăn riêng (nhưng vẫn sống chung nhà). Ngày 14/12/2019, vợ chồng ký văn bản thỏa thuận ly thân. Theo đó có cam kết không can dự vào cuộc sống, việc làm của mỗi bên. Cùng thời điểm này, chồng tôi ràng buộc tôi phải ký cho chồng tôi vay Ngân hàng 2 tỷ đồng – số tiền này chồng tôi sử dụng toàn bộ. Khi ly thân, tôi về căn nhà số 43A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau sinh sống cho đến nay (nguồn gốc căn nhà này là do cha mẹ ruột tôi cho tôi). Tuy nhiên, ông C không thực hiện theo thỏa thuận ly thân mà thường xuyên quấy rối việc tôi mua bán làm ăn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tốt, giới tính nam, sinh ngày 05/4/1995 và Nguyễn Vân Khánh, giới tính nữ, sinh ngày 03/12/2015. Hiện cháu Tốt đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu. Đối với cháu Khánh, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung như sau:

+ 01 Căn nhà số 43A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau (nhà cấp 4, ngang 4,7m x 15,7m, nhà không chủ quyền, đất bảo lưu ven sông). Nguồn gốc cha mẹ ruột tôi cho tôi. Tạm tính giá trị khoảng 200 triệu đồng.

+ 01 Căn nhà số 109, ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau. Nhà do hai vợ chồng đứng tên. Tạm tính giá trị khoảng 01 tỷ đồng.

+ Phần đất ngang 30m, dài đến sông (Kênh Cà Mau – Bạc Liêu), không có giấy chủ quyền do đất bảo lưu ven sông. Cả hai vợ chồng cùng đứng tên sang giấy

tay với người khác (đất trống). Địa chỉ: Ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tạm tính trị giá khoảng 100 triệu đồng.

+ Phần đất vuông 55.970m2. Đất do hai vợ chồng đứng tên quyền sở hữu. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Hiện đang nuôi tôm công nghiệp, trên đất có 01 căn nhà lá). Tạm tính trị giá khoảng 1,1 tỷ đồng.

+ 01 xe cuốc 04. Tạm tính trị giá khoảng 200 triệu đồng.

+ 01 chiếc phà dùng để chở xe cuốc. Tạm tính trị giá khoảng 50 triệu đồng (ông C vừa mới bán).

Tại đơn khởi kiện bà Th yêu cầu được nhận căn nhà số 43A, ấp 3 xã Tắc Vân thành phố Cà Mau, các tài sản còn lại thống nhất để lại toàn bộ cho ông C để trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa bà Th xác định bà và ông C sẽ tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà Th trình bày quá trình chung sống vợ chồng có khoản nợ chung là nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thành phố Cà Mau số tiền 02 tỷ đồng, ông C sử dụng toàn bộ. Cuối năm 2019, vợ chồng có thế chấp Căn nhà số 109 và phần đất vuông để vay tiền Ngân hàng.

Ngoài ra bà còn biết khoản nợ ông Huỳnh Khắc Ph 200 triệu đồng. Năm 2020 ông C cố căn nhà số 43A, ấp 3 xã Tắc Vân cho ông Ph vay 200 triệu đồng. Nợ này là nợ riêng của ông C. Đối với các khoản nợ mà ông C cho rằng nợ ông S, nợ bà H, bà Tr, ông Đ thì bà hoàn toàn không biết, đó là nợ riêng của ông C. Do tài sản nhiều hơn nợ, nên khi nào chủ nợ yêu cầu thì bà yêu cầu bán tài sản trả nợ.

Tại phiên tòa, bà Th đồng ý nợ chung gồm nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thành phố Cà Mau số tiền 02 tỷ đồng và nợ vợ chồng ông Đ, bà Thy số tiền mua thức ăn mà ông C chốt nợ là 1.011.893.500đ, còn phần lãi bà không đồng ý thanh toán vì theo bà thông thường việc mua bán thức ăn, tôm giống không tính lãi. Đối với các khoản nợ khác bà không đồng ý là nợ chung.

** Tại Bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

* *Về hôn nhân*: Ông và bà Đặng Thị Th sống chung vào năm 1993 nhưng đến ngày 17/12/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau. Nay bà Th xin ly hôn, tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/1/2023 thì ông đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa ông xác định mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn với bà Thu.

* *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tốt, sinh ngày 05/4/1995 và Nguyễn Vân Khánh, sinh ngày 03/12/2015. Hiện cháu Tốt đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Khánh, hiện đang sống với bà Thu. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn, thì ông đồng ý giao cháu Khánh cho bà Th nuôi dưỡng, tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/01/2023 ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi

nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa ông thống nhất với ý kiến bà Th về việc không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông, khi nào làm có bao nhiêu thì ông cấp dưỡng bấy nhiêu tùy theo Th nhập thực tế.

* *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống ông và bà Th có các tài sản chung gồm:

- *Tài sản thứ 1*: Căn nhà và đất ngang 4,7m dài 15,7m, tọa lạc tại số 43A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, do vợ chồng tôi mua của mẹ vợ là bà Phạm Thị Kiểm vào năm 2002 (có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất bảo lưu ven sông). Căn nhà và đất này hiện nay trị giá khoảng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

- *Tài sản thứ 2:* Căn nhà và đất có diện tích 54,08m^2, tọa lạc tại số 109, ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 23, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên. Căn nhà và đất này hiện nay trị giá khoảng 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Cà Mau.

- *Tài sản thứ 3*: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 6.985m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 0158, tờ bản đồ số 04 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên.

- *Tài sản thứ 4*: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 6.847m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 444, tờ bản đồ số 03 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên.

- *Tài sản thứ 5:* Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 7.260m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 0165, tờ bản đồ số 04 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên.

- *Tài sản thứ 6:* Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 34.909,17m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 142, tờ bản đồ số 04 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên.

Tài sản thứ 3, 4, 5, 6 hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Cà Mau.

- *Tài sản thứ 7*: Phần đất nuôi trồng thủy sản ngang 30m dài tới mé sông Cà Mau – Bạc Liêu, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau. Đất này do hai vợ chồng mua bằng giấy tay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này hiện nay giá trị khoảng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Đối với 01 chiếc xe cuốc 04 và 01 chiếc phà như bà Th trình bày là không có.

Nay bà Th yêu cầu tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết thì ông cũng thống nhất với ý kiến bà Thu, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản.

* *Về nợ chung:* Vợ chồng có các khoản nợ chung sau:

- Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Cà Mau số tiền vốn là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi chưa tính.

- Nợ ông Cao Văn Đẳng, sinh năm 1980; địa chỉ số 143B, Nguyễn Tất Thành, khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau số tiền là 2.286.878.000đ (Hai tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Nợ ông Đoàn Quang S, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận số tiền là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám chục triệu đồng).

- Nợ ông Huỳnh Khắc Phước, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 142, ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Nợ bà Phan Thùy Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Nợ bà Hồ Thị Hạnh, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Bình Thành, xã Định Bình, thành phố Cà Mau số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Khi ly hôn thì tôi yêu cầu chia đôi tất cả các khoản nợ, tôi và bà Th mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N – chi nhánh thành phố Cà Mau có văn bản trình bày ý kiến như sau*: Ông Nguyễn Văn C có vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thành phố Cà Mau số tiền 2.700.000.000đ, nợ trong hạn (thuộc nhóm 1), tranh chấp giữa các bên là tranh chấp trong hộ gia đình, vì vậy, ai trong hộ ông Nguyễn Văn C là người nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng thì có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu đối với vụ việc ly hôn giữa bà Th và ông Cầm, đồng thời xin vắng mặt các giai đoạn tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn Đ và bà Cao Cát Th trình bày:* Vào năm 2004 tôi có bán thức ăn tôm và thuộc thú y thủy sản cho ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Th để nuôi tôm công nghiệp. Tính đến ngày 06/6/2017, ông C, bà Th còn nợ lại số tiền 1.011.893.500 đồng. Khi đó giữa tôi và ông C có làm bảng đối chiếu xác nhận công nợ và có thỏa thuận ông C phải đóng lãi suất 2%/tháng đối với số tiền trên, nhưng đến nay ông C, bà Th chưa trả khoản lãi nào. Nay vợ chồng ông C, bà Th ly hôn, tôi yêu cầu ông C, bà Th cùng có trách nhiệm trả tôi số tiền 1.011.893.500đ và lãi suất 2%/tháng tạm tính từ ngày 06/6/2017 đến ngày 07/9/2022, tính tròn 05 năm 03 tháng với số tiền là 1.274.985.000đ. Tổng cộng tôi yêu cầu ông C, bà Th trả tiền vốn và lãi là 2.286.878.000đ và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi yêu cầu về phần lãi suất, chỉ yêu cầu lãi suất 1,5% và tính từ ngày chốt nợ là ngày 06/6/2017 đến ngày 07/9/2022 là 05 năm 03 tháng, với số tiền lãi là 956.239.000đ. Tổng vốn và lãi ông yêu cầu ông C bà Th thanh toán là 1.011.893.500đ + 956.239.000đ = 1.968.132.000đ.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thùy Tr trình bày:* Vào ngày

28/02/2021 âm lịch, tôi có cho ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Th vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, lãi trả hàng tháng, khi vay không có biên nhận. Từ khi vay đến nay ông C, bà Th không đóng lãi và cũng không trả vốn. Nay vợ chồng ông C, bà Th ly hôn, tôi yêu cầu 02 vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ 200.000.000đ và lãi suất theo quy định là 1,66%/tháng từ ngày 28/02/2021 al đến ngày 18/7/2022 al (tức ngày 15/8/2022 dương lịch), tạm tính là 16 tháng với tổng số tiền lãi là 53.120.000đ, tổng số tiền vốn và lãi là 253.120.000đ và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H trình bày:* Vào ngày 04/11/2021 âm lịch, tôi có cho ông C và bà Th vay số tiền 430.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, lãi trả hàng tháng, khi vay không có biên nhận. Từ khi vay đến nay ông C, bà Th không đóng lãi và không trả vốn. Nay vợ chồng ly hôn, tôi yêu cầu ông C và bà Th cùng có trách nhiệm trả cho tôi số tiền vốn là 430.000.000đ và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 04/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/12/2021 dương lịch) đến ngày 07/9/2022 dương lịch, tạm tính là 09 tháng với số tiền lãi là 64.242.000đ. Tổng vốn và lãi là 494.242.000đ và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử.

** Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 07/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Quang S trình bày:* Từ năm 2004 cho đến năm 2012, tôi có bán tôm thẻ và sú giống cho ong Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Th để nuôi tôm công nghiệp. Tính năm 2012 ông C, bà Th còn nợ tôi số tiền 580.000.000đ. Nay vợ chồng ly hôn, tôi yêu cầu ông C và bà Th cùng có trách nhiệm trả cho tôi số tiền vốn là 580.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với ông Huỳnh Khắc Ph đã được Tòa án thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay ông Ph vẫn không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về hôn nhân: ông C và bà Th ly thân đã lâu, tình cảm không còn, bà Th cương quyết xin ly hôn, quá trình sống ly thân ông C không có giải pháp để hàn gắn mà còn đập đồ, gây rối chỗ bà Th buôn bán, tại phiên tòa ông C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông C. Về con chung: Đối với cháu Tốt đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; đối với cháu Nguyễn Vân Khánh, bà Th yêu cầu được nuôi con và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông C và ông C cũng đồng ý nên đề nghị Tòa án công nhận. Về tài sản chung: Bà Th và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét. Về nợ chung: Đối với nợ ông Đ, bà Th thống nhất nợ chung, đối với phần lãi thì chỉ hợp đồng miệng giữa ông Đ và ông C, do đặc thù giao dịch mua bán này thường không tính lãi nên bà Th chỉ đồng ý nợ đối với phần vốn, đối với phần lãi ông C có thỏa thuận thì ghi nhận sự tự nguyện của ông C. Đối với khoản nợ của Ngân hàng và những người khác do Ngân hàng và nợ những người khác không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Về hôn nhân: Lý do ly hôn bà Th cho rằng ông C đánh đập bà là không có, lúc nóng giận ông C có đập đồ nhưng không có đánh bà Thu. Tại phiên tòa ông C tự tin có thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng với bà Th nên đề nghị cho ông C cơ hội hàn gắn, nếu không được thì sau 01 năm bà Th có quyền yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông C thống nhất với ý kiến bà Th là giao cháu Khánh cho bà Th trực tiếp nuôi và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: ông C và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung: Đối với các khoản nợ ngân hàng và những người khác không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét. Đối với nợ ông Đ thì khi chốt nợ có thỏa thuận lãi suất là 2%, nay ông Đ chỉ tính lãi 1,5% thống nhất với yêu cầu của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Thị Th ly hôn với ông Nguyễn Văn C; về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Vân Khánh cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận nên không xem xét; về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Cao Văn Đ về việc bà Th và ông C trả vốn và lãi số tiền là 1.968.132.000đ. Đối với các khoản nợ khác do đương sự không yêu cầu và không nộp tạm ứng nên đề nghị không xem xét. Bà Thu, ông C có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện hợp pháp Ngân hàng N, bà Hồ Thị H, bà Phan Thùy Tr, ông Đoàn Quan S, ông Huỳnh Khắc Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Đại diện hợp pháp Ngân hàng N, bà Hồ Thị H, bà Phan Thùy Tr, ông Đoàn Quang S, ông Huỳnh Khắc Ph là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông C xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Về lý do ly hôn, bà Th xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông C, tại phiên tòa ông C không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông C xuất phát từ việc vợ chồng không quan tâm vun đắp tình cảm và thực hiện nghĩa vụ giữa vợ và chồng là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ

chồng càng xa cách, bà Th xác định ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa ông C không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi đó vợ chồng lại thỏa thuận sống ly thân trong một thời gian dài từ năm 2019 đến nay, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giữa vợ và chồng với nhau, hiện bà Th xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân của bà Th và ông C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên cần chấp nhận cho bà Đặng Thị Th ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tốt, sinh ngày 05/4/1995 và Nguyễn Vân Khánh, sinh ngày 03/12/2015. Hiện cháu Tốt đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Khánh, hiện đang sống với bà Thu. ông C và bà Th thống nhất giao cháu Khánh cho bà Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà Th và ông C đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh thể hiện tại "Biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con khi vợ chồng ly hôn" vào ngày 05/01/2023. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/01/2023 ông C tự nguyện cấp dưỡng mức 2.000.000đ/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa ông C thống nhất với ý kiến bà Th về việc không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng cụ thể đối với ông C. Xét thấy, các bên đã thỏa thuận thống nhất giao cháu Khánh cho bà Th nuôi dưỡng và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông C nên cần xem xét công nhận.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Th và ông C có liệt kê các tài sản gồm: **(1)** 01 Căn nhà và đất ngang 4,7m dài 15,7m, tọa lạc tại số 43A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau; **(2)** 01 Căn nhà và đất có diện tích 54,08m^2, tọa lạc tại số 109, ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 23, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên; **(3)** 01 Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 6.985m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 0158, tờ bản đồ số 04 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên; **(4)** 01 Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 6.847m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 444, tờ bản đồ số 03 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên; **(5)** 01 Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 7.260m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 0165, tờ bản đồ số 04 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên; **(6)** 01 Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 34.909,17m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau thuộc thửa số 142, tờ bản đồ số 04 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên; **(7)** 01 Phần đất nuôi trồng thủy sản ngang 30m dài tới mé sông Cà Mau – Bạc Liêu, tọa lạc tại ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau (đất này do hai vợ chồng mua bằng giấy tay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngoài ra, bà Th xác định tài sản chung còn có 01 chiếc xe cuốc 04 và 01 chiếc phà. Tại đơn khởi kiện bà Th yêu cầu giao cho ông C toàn bộ các tài sản nêu trên, bà Th chỉ nhận 01 Căn nhà và đất ngang 4,7m dài 15,7m, tọa lạc tại số 43A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thực

hiện thủ tục yêu cầu thẩm định và định giá mặc dù Tòa án đã giải thích cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ yêu cầu của mình theo quy định. Đồng thời tại Đơn yêu cầu ngày 20/10/2022, bà Th xin rút lại một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Tại Biên bản ghi lời trình bày của đương sự ngày 07/11/2022, ngày 05/01/2023 và tại phiên tòa, bà Th và ông C đều xác định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hoặc ghi nhận. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Thu.

[5] Về nợ chung: Bà Th chỉ thừa nhận nợ chung là khoản nợ Ngân hàng N – chi nhánh thành phố Cà Mau số tiền 02 tỷ đồng, vợ chồng có thế chấp Căn nhà số 109 và phần đất vuông để vay tiền Ngân hàng; Nợ ông Cao Văn Đẳng và bà Cao Cát Thy số tiền vốn là 1.011.893.500đ. Đối với các khoản nợ những người khác gồm: Nợ ông Huỳnh Khắc Ph 300 triệu đồng; Nợ ông Đoàn Quang S số tiền là 580.000.000 đồng; Nợ bà Phan Thùy Tr số tiền 200.000.000đ; Nợ bà Hồ Thị Hạnh số tiền 430.000.000 đồng và số tiền 700.000.000đ phát sinh thêm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thành phố Cà Mau và tiền lãi đối với số tiền nợ ông Đ mà ông C nêu ra thì bà Th không biết và xác định đây là nợ riêng của ông C. Đối với ông C thì xác định đây là nợ chung. Xét thấy các bên trình bày không thống nhất về nợ chung và đang có tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với khoản nợ tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Cà Mau, Ngân hàng xác định ông Nguyễn Văn C có vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh thành phố Cà Mau số tiền 2.700.000.000đ, nợ trong hạn (thuộc nhóm nợ 1). Ngân hàng không có yêu cầu trong việc tranh chấp này. Xét thấy các đương sự trình bày không thống nhất về số tiền vay nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do Ngân hàng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có phát sinh tranh chấp Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5.2] Đối với khoản nợ ông Đoàn Quang S, bà Hồ Thị H, bà Phan Thùy Tr, ông Huỳnh Khắc Ph: Ông Đoàn Quang S có gởi Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 07/9/2022 yêu cầu ông C và bà Th có trách nhiệm trả số tiền vốn là 580.000.000đ; bà Hồ Thị H có Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 07/9/2022 yêu cầu ông C, bà Th cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn và lãi là 494.242.000đ; bà Phan Thùy Tr có Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 15/8/2022 yêu cầu ông C, bà Th cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn và lãi là 253.120.000đ. Ngày 07/9/2022 Tòa án ra thông báo số 639/TB-TA thông báo cho bà Tr nộp tiền tạm ứng án phí; thông báo số 640/TB-TA thông báo cho bà H nộp tiền tạm ứng án phí; thông báo số 641/TB-TA thông báo cho ông S nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, ông S, bà Tr, bà H không nộp tạm ứng và nộp biên lai nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án. Đối với ông Huỳnh Khắc Ph, đã được Tòa án thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay ông Ph vẫn không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình. Do các đương sự không có nộp đơn yêu cầu và không thực hiện dự nộp tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Khi nào

có phát sinh tranh chấp, ông S, bà H, bà Tr, ông Ph có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5.3] Đối với khoản nợ của ông Cao Văn Đ và bà Cao Cát Th, ngày 07/9/2022, ông Cao Văn Đ có nộp đơn yêu cầu độc lập và đã thực hiện dự nộp tạm ứng án phí và nộp biên lai cho Tòa án theo quy định nên được Tòa án xem xét. Ông Đ và bà Thy yêu cầu ông C, bà Th có trách nhiệm trả khoản nợ hai bên đã chốt sổ vào ngày 06/6/2017 là 1.011.893.500đ và lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng nay chỉ yêu cầu tính lãi là 1,5%/tháng từ ngày 06/6/2017 đến ngày 07/9/2022 (không yêu cầu tính đến ngày xét xử) tính tròn 05 năm 03 tháng với số tiền 956.239.000đ. Bà Th trình bày số nợ trên là giữa ông C và ông Đ, bà không biết. Tuy nhiên bà đồng ý cùng ông C thanh toán nợ vốn không đồng ý thanh toán lãi theo yêu cầu của ông Đ. Ông C thì trình bày vào ngày 06/6/2017 giữa ông và ông Đ có chốt sổ nợ là 1.011.893.500đ và có thỏa thuận sẽ trả lãi suất 2%/tháng, từ khi chốt sổ đến nay thì ông không có thanh toán khoản nào. Ông đồng ý việc giảm lãi suất của ông Đ và xác định đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý ông và bà Th cùng có trách nhiệm trả nợ trên.

Xét thấy việc giữa ông C và Doanh nghiệp tư nhân Ngã Ba Cây Dương thực hiện việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản là có thật thể hiện tại các Phiếu mua hàng và Sổ theo dõi do ông Đ cung cấp. Số nợ trên đã được chuyển giao cho bà Cao Cát Th và ông Cao Văn Đ, vấn đề này được ông Cao Văn Út là chủ Doanh nghiệp xác nhận. Do đó, ông Đ và bà Th yêu cầu thanh toán nợ là phù hợp. Xét thấy khoản nợ tại các phiếu mua hàng và Sổ theo dõi bán hàng do phía ông Đ cung cấp thể hiện từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2017, phía ông C nợ theo nội dung chốt nợ ngày 06/6/2017 thì ông C còn nợ là 1.011.893.500đ. Như vậy, số nợ này phát sinh vào năm 2016 và 2017 là thời điểm ông C và bà Th đang sống chung. Mặc dù quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà Th được công nhận hợp pháp từ ngày đăng ký kết hôn là ngày 17/12/2018. Tuy nhiên, cả bà Th và ông C đều xác định thời điểm ông bà sống chung như vợ chồng từ năm 1993 và chung sống H phúc với nhau, cùng nhau làm ăn mua sắm các tài sản chung. Đến năm 2019 thì mới phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân và thỏa thuận kinh doanh riêng. Xét thấy khoản nợ hình thành trong thời gian bà Thu, ông C chung sống và làm ăn chung và tại phiên tòa bà Th thống nhất xác định khoản nợ này phát sinh trong thời gian vợ chồng còn chung sống nên đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ nên khoản nợ này được xác định là nợ chung, ông C và bà Th phải cùng có trách nhiệm trả nợ.

Đối với phần thỏa thuận lãi, ông Đ cho rằng khi chốt nợ vào ngày 06/6/2017 có thỏa thuận tính lãi với lãi suất là 2% nhưng là thỏa thuận miệng và ông C cũng thừa nhận có việc thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng do nuôi tôm thua lỗ nên chưa trả. Xét thấy việc thỏa thuận lãi là có và được ông C thừa nhận nhưng các bên thỏa thuận lãi vượt quá quy định cần phải điều chỉnh. Bà Th không đồng ý phần lãi nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại phiên tòa, ông Đ tự nguyện điều chỉnh lãi suất tính 1,5%/tháng và tính từ ngày chốt nợ đến ngày 07/9/2022 mà không yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy việc thay đổi yêu cầu có lợi cho ông C, bà Thu, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

Tính từ ngày 06/6/2017 đến ngày 07/9/2022 là 5 năm 03 tháng với số tiền lãi là 1.011.893.500đ x 1,5% x 63 tháng = 956.239.000đ. Tổng vốn và lãi phải trả là 1.011.893.500đ + 956.239.000đ = 1.968.132.000đ.

Như phân tích trên, do được xác định là khoản nợ chung trong thời gian ông C, bà Th chung sống. Nay ông C bà Th ly hôn nên mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán ½ nghĩa vụ cho ông Đ và bà Thy, với số tiền là 1.968.132.000đ : 2 = 984.066.000đ.

[6] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông C và bà Th còn chịu án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận tương ứng với phần nghĩa vụ của mỗi người. Ông Đ, bà Thy không phải chịu án phí do yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 217, Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và Điều 58, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Th về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Th và ông C về việc giao cháu Nguyễn Vân Khánh, sinh ngày 03/12/2015 cho bà Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông C.

Ông C không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung của bà Đặng Thị Thu.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Cao Văn Đ và bà Cao Cát Thy về việc yêu cầu ông C bà Th thanh toán số tiền 1.968.132.000 đồng, trong đó vốn là 1.011.893.000 đồng và lãi là 956.239.000 đồng.

Buộc bà Đặng Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Cao Văn Đ, bà Cao Cát Thy số tiền 984.066.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán cho ông Cao Văn Đ, bà Cao Cát Thy số tiền 984.066.000 đồng.

Kể từ ngày ông Đ, bà Thy có đơn yêu cầu thi hành án, bà Thu, ông C không tự nguyện thi hành thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Về án phí:

Bà Đặng Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch là 41.521.000 đồng, tổng cộng là 41.821.000 đồng. Ngày 28/6/2022, bà Th nộp tạm ứng án phí số tiền là 5.300.000 đồng theo biên lai Th số 0001635 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, bà Th phải nộp tiếp số tiền là 36.521.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 41.521.000 đồng (chưa nộp).

Ông Cao Văn Đ và bà Cao Cát Thy không phải chịu án phí. Ông Cao Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 38.868.000 đồng tại Biên lai số 0001958 ngày 12/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Thu, ông C, ông Đ, bà Thy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh Cà Mau), bà H, bà Tr, ông S, ông Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Hồng Xuyên